TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2018/QĐST- HNGĐ	*V, ngày 13 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: chị Trịnh Thị M, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Và bị đơn: anh Lục Văn M, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trịnh Thị M và anh Lục Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lục Thị Ngọc T, sinh ngày 01/7/2013, anh Lục Văn M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng) cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về án phí: chị Trịnh Thị M nhận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/04068 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị M đã nộp đủ.

Kể từ ngày chị Trịnh Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lục Văn M chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì anh M phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 64/2014/QH13, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND h. Văn Chấn;
- Chi cục THADS h.V;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Xuân Hà